

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-ST
Ngày 15 tháng 6 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Hà Chí Công- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Địa chỉ trụ sở chính: Số 198, Trần Quang C, phường Lý Thái D, quận Đ, Inphố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số 14-15B, Bà E, Phường Ê, Inphố F, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Phạm Quang G; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Trần Lê H; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B- Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Theo giấy ủy quyền số 774/UQ-VCB-PC ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Ông Trần Lê H ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Lâm Văn I, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Theo Giấy ủy quyền số 2832/UQ-BLI.HCNS ngày 13/7/2021 (*Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị J, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (*vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Chí M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*).

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

3. Chị Lê Kim O, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Chí Q, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

6. Cháu Nguyễn Ngọc P R, sinh ngày 23/8/2017. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Nguyễn Ngọc Tú R: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

7. Cháu Nguyễn Tấn S, sinh năm 2010 và cháu Nguyễn Ngọc Tường T, sinh năm 2017. Cùng địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Nguyễn Tấn S và cháu Nguyễn Ngọc Tường T: Anh Nguyễn Chí M, sinh năm 1989 và chị Lê Kim O, sinh năm 1989. Cùng địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 31/12/ 2021 và bản tự khai đề ngày 03/3/2022, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (Ngân hàng), là ông Lâm Văn I, trình bày: Ngày 25/6/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Bạc Liêu và bà Nguyễn Thị J có ký kết hợp đồng tín dụng cho vay từng lần trung dài hạn số 794/VBC.BLI.20 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đồng; mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng mua sắm trang thiết bị vật dụng gia đình; thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay là ngày 26/6/2020 đến ngày 26/6/2030; lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm; lãi suất sẽ được bên cho vay điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất huy động VND 12 tháng trả lãi sau của VCB (+) biên độ 4.0 %/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn theo quy định của VCB tại thời điểm đó; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; ngày nhận nợ: 26/6/2020; phương thức trả nợ gốc và lãi suất: Cứ 04 tháng trả số tiền gốc 6.600.000 đồng và tiền lãi suất S sinh.

Để bảo đảm khoản vay nêu trên, bà J, ông Nguyễn Chí M có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế quyền sử dụng đất số 369/VCB.BLI.20 ngày 25/6/2020 để thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có diện tích 2.740m² (gồm 500m² đất ở tại nông thôn và 2.240m² đất trồng cây lâu năm) tại thửa đất số 1014, tờ bản đồ số 4; tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 554730 (Số vào sổ cấp GCN: CH02279) do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Chí M vào ngày 19/12/2013. Do bà J vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Đến ngày 20/5/2022, bà J có thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc 20.000.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu bà J thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền

223.786.364 đồng; trong đó, nợ gốc là 179.993.611 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 14/6/2022 là 43.792.753 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo lãi suất quá hạn đã ký kết tại hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày 14/6/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp bà J không thanh toán được nợ thì Ngân hàng yêu cầu bán đấu giá các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Ngân hàng yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà J về việc yêu cầu bà J trả cho Ngân số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

Theo bị đơn bà Nguyễn Thị J trình bày: Bà J thống nhất với nội dung Ngân hàng đã trình bày và thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền như Ngân hàng yêu cầu. Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, bà J có nhờ ông Nguyễn Chí M là con của bà J bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Bà J, ông M có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 369/VCB.BLI.20 ngày 25/6/2020 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất diện tích 500m² đất ở và đất trồng cây lâu năm diện tích 2.240m², thuộc thửa đất số 1014, tờ bản 04; đất tọa lạc ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 554730 (Số vào sổ cấp GCN: CH02279) do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông M ngày 19/12/2013. Nay bà J đồng ý thanh toán cho Ngân hàng theo như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đồng ý trả tiền lãi S sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả xong nợ. Trong trường hợp, không trả được nợ thì bà J đồng ý cho Ngân hàng S mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời bà N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bà N đều vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án đã đến nơi cư trú tiến hành lấy lời khai nhưng bà N từ chối cho Tòa án lấy lời khai với lý do bà N không có liên quan gì trong vụ án này và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí M, chị Lê Kim O, chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Chí Q: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh M, chị O, chị P, anh Q tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh M, chị O, chị P, anh Q đều vắng mặt, không rõ lý do. Tòa án đã đến nơi cư trú để tiến hành lấy lời khai nhưng anh M, chị O, chị P, anh Q không có mặt ở nhà nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M, chị O, chị P, anh Q.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật

Tổ tụng dân sự; các Điều 322, 323, 324, 351, 352 Bộ luật dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà J về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng; buộc bà J có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 223.786.364 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 179.993.611 đồng, tiền nợ lãi là 43.792.753 đồng và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 15/6/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà J về việc yêu cầu bà J trả cho Ngân hàng số tiền gốc 20.000.000 đồng. Trường hợp bà J không thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bà J phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và bà J tranh chấp hợp đồng tín dụng đã ký kết vào ngày 25/6/2020. Khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện bà J đang cư trú tại ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông M, bà N, chị P, chị O, anh Q đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M, bà N, chị P, chị O, anh Q đều vắng mặt nên vụ án không thể hòa giải được mà phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà J, ông M, bà N, chị P, chị O, anh Q vắng mặt, không có lý do và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B là ông Lâm Văn I có đơn xin xét xử vắng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông I, bà J, ông M, bà N, chị P, chị O, anh Q.

[2] Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà J về việc yêu cầu bà J trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền gốc 20.000.000 đồng do vào ngày 20/5/2022, bà J thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được số tiền gốc 20.000.000 đồng. Trên cơ sở yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, Hội đồng xét xử xét thấy bà J đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được số tiền gốc 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với bà J.

[3] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu bà J thanh toán khoản tiền vay gồm 179.993.611 đồng tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 794/VCB.BLI.20 ngày 25/6/2022 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 26/6/2020 đã ký kết giữa bà J và Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Bạc Liêu với lý do bà J là người trực tiếp vay và nhận số tiền vay nêu trên nhằm mục đích tiêu dùng mua sắm trang thiết bị vật dụng gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, bà J đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu bà J phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Bà J thừa nhận bà J có ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên như Ngân hàng trình bày và do làm ăn thua lỗ, không thanh toán nợ đúng hạn dẫn đến vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân

hàng nên bà J đồng ý thanh toán nợ vay cho Ngân hàng. Tính đến ngày 14/6/2022, bà J còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền nợ gốc là 179.993.611 đồng, nợ lãi là 43.792.753 đồng; tổng cộng là 223.786.364 đồng nên có căn cứ buộc bà J phải thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

[4] Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu bà J phải thanh toán tiền lãi suất phát sinh do nợ quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày 14/6/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên cần buộc bà J phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng, kể từ ngày 15/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

[5] Ngân hàng Thương mại Cổ phần B yêu cầu bán đấu giá tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất diện tích 500m² đất ở và đất trồng cây lâu năm diện tích 2.240m², thuộc thửa đất số 1014, tờ bản 04; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 554730 (Số vào sổ cấp GCN: CH02279) do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Chí M ngày 19/12/2013 trong trường hợp bà J không thanh toán được nợ. Xét thấy, khi vay vốn, bà J, ông M đã có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên để đảm bảo khoản vay của bà J tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu thông qua Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 369/VCB.BLI.20 ngày 25/6/2020; việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên là do bà J và ông M trực tiếp ký kết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, được đăng ký theo quy định của pháp luật và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên được công chứng tại cơ quan có thẩm quyền nên là hợp pháp. Bà J đồng ý yêu cầu bán đấu giá các tài sản thế chấp nêu trên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B. Đồng thời, căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2022 thì tài sản thế chấp nêu trên vẫn đang do bà J và ông M trực tiếp quản lý, không S sinh giao dịch với người thứ ba. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về việc yêu cầu bán đấu giá tài sản nêu trên thu hồi nợ trong trường hợp bà J không thanh toán được nợ.

[6] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 460.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được chấp nhận nên bà J phải chịu toàn bộ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đã nộp tạm ứng số tiền 460.000 đồng nên bà J có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 460.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[7] Về án phí: Bà J phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền bà J có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B bằng $5\% \times 223.786.364$ đồng = 11.189.318 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí 5.585.774 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000806 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại.

[8] Các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu, như đã phân tích là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 322, 323, 324, 351, 352 Bộ luật dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm d tiểu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016), tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với bà Nguyễn Thị J về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị J phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/6/2022 là 223.786.364 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng); trong đó, nợ gốc là 179.993.611 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm mười một đồng), nợ lãi là 43.792.753 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với bà Nguyễn Thị J về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị J thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

4. Kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2022, bà Nguyễn Thị J còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị J phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

5. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị J không trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu bán đấu giá tài sản để thu hồi nợ là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên diện tích 500m² đất ở và đất trồng cây lâu năm diện tích 2.240m², thuộc thửa đất số 1014, tờ bản 04; tọa lạc ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 554730 (Số vào sổ cấp GCN: CH02279) do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Nguyễn Chí M ngày 19/12/2013; đất có vị trí:

- Hướng Đông giáp với đất ông Phạm Văn Y;
- Hướng Tây giáp với đất của ông Lê Văn Z, ông Nguyễn Văn A1;
- Hướng Nam giáp với lộ bê tông ấp K, xã L;
- Hướng Bắc giáp với đất của bà Nguyễn Thị J và đất của ông Nguyễn Văn A2.

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà Nguyễn Thị J phải chịu 460.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 460.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) nên bà

Nguyễn Thị J phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 460.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

7. Về án phí: Bà Nguyễn Thị J phải nộp 11.189.318 đồng (Mười một triệu một trăm tám mươi chín nghìn ba trăm mười tám đồng) án phí dân sự có giá ngạch tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện A. Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải nộp án phí, đã nộp tạm ứng án phí 5.585.774 đồng (Năm triệu năm trăm tám mươi lăm đồng bảy trăm bảy mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000806 ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên được hoàn lại.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Dương Hồng Chi